

NGUYỄN ĐĂNG VINH - LÊ NGỌC TÚ
(*Biên soạn*)

BIÊN NIÊN
SỰ KIỆN CHIẾN TRANH VIỆT NAM
1945-1975

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc chiến tranh giải phóng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đầy gian khổ, hy sinh, nhưng hết sức hào hùng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng kéo dài trong 30 năm (1945-1975) đã giành được thắng lợi trọn vẹn vào mùa Xuân 1975 lịch sử. Tầm vóc và ý nghĩa của cuộc chiến tranh vĩ đại này đã được Đảng ta đánh giá là "... Một cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại nhất trong lịch sử nước nhà, một cuộc chiến tranh cách mạng vừa để giải phóng dân tộc, vừa để bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa cống hiến vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"¹.

Với mong muốn phác thảo bức tranh toàn cảnh của hai cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai trong thời kỳ từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, qua đó góp phần ôn lại truyền thống chiến đấu hào hùng của dân tộc trong những năm kháng chiến, giáo dục lòng tự hào với những chiến công hiển hách mà quân và dân ta đã lập nên; từ đó xây dựng lòng tin vào sức mạnh của dân tộc, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quyết tâm đoàn kết phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn thử thách, xây dựng đất nước giàu mạnh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta, làm cho Tổ quốc ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như Bác Hồ kính yêu hằng mong muốn, Nhà xuất bản Lao Động xuất bản cuốn sách **Biên niên sự kiện chiến tranh Việt Nam 1945 - 1975**.

Những sự kiện được ghi chép trong cuốn sách phần lớn không đặt tên. Đối với những sự kiện lớn, tiêu biểu, nhất là các sự kiện chính trị, quân sự, được đặt tên viết đi, nội dung, ý nghĩa và tác dụng của nó. Với các sự kiện không đặt tiêu đề thì thường viết thẳng nội dung, ít phân tích, đánh giá ý nghĩa, tác dụng từng sự kiện. Tất cả được đề cập, phản ánh hết sức phong phú, đa dạng, có sự kiện chung, có sự kiện xảy ra ở một cơ quan, đơn vị, các yếu tố, thời gian, địa điểm, địa phương, ở một thời điểm nhất định, nhưng đều có vai trò và ý nghĩa lịch sử của nó. Các sự kiện được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Với những sự kiện diễn ra trong thời gian dài thì xếp theo ngày bắt đầu diễn ra sự kiện đó.

Với cách thể hiện các loại sự kiện như vậy, chúng tôi hy vọng cuốn **Biên niên sự kiện chiến tranh Việt Nam 1945 - 1975** sẽ là một công cụ tra cứu bổ ích, có tác

¹ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam lần thứ 12 Khóa III-1965.

dụng phục vụ tốt việc nghiên cứu và tìm hiểu lịch sử của dân tộc trong giai đoạn này.

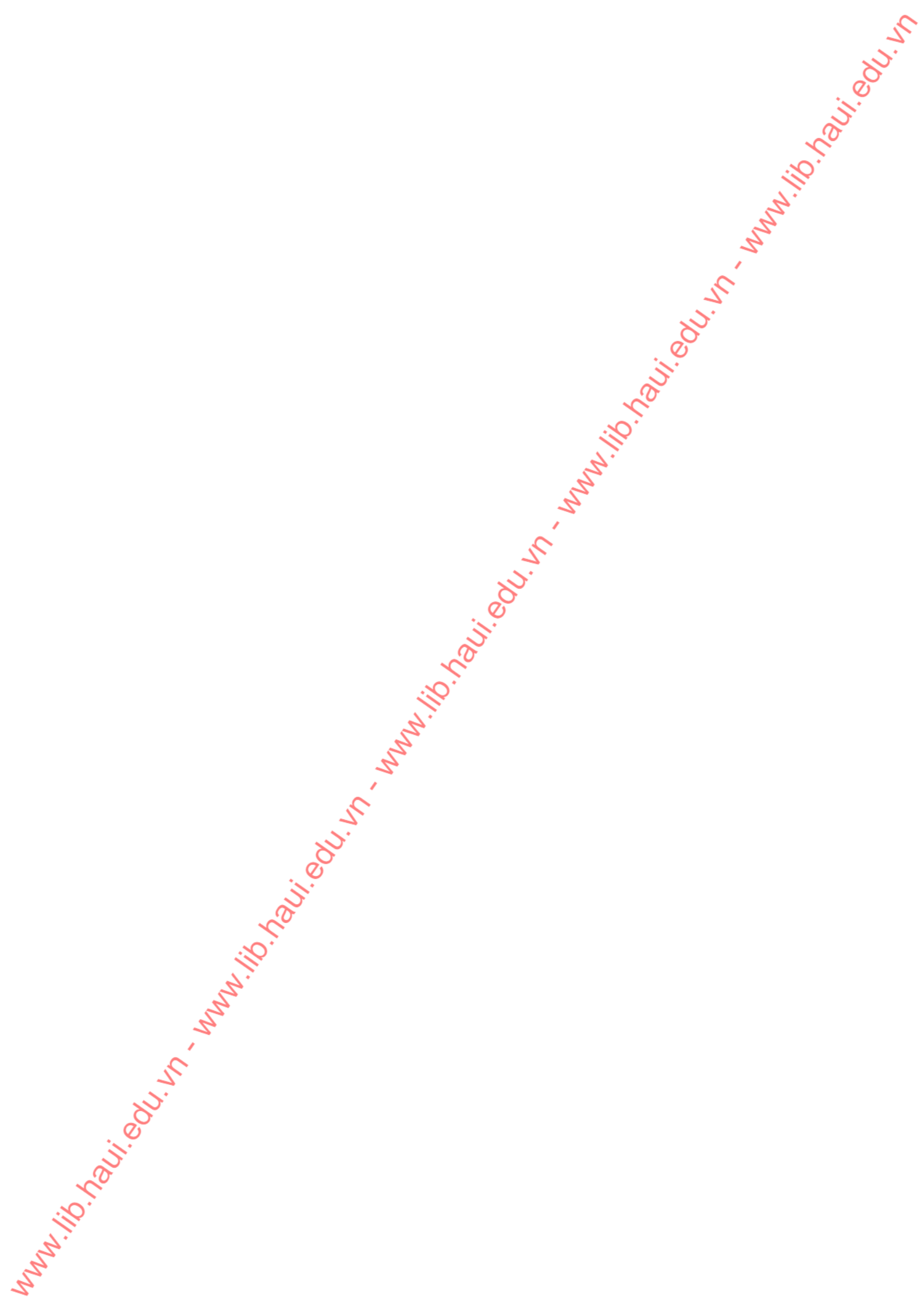
Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong sưu tầm, thu nhập, so sánh và đối chiếu tư liệu và có ý thức ghi chép các sự kiện một cách khách quan, cân đối, hài hòa trên tất cả các mặt hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao..., nhưng với một cuộc chiến tranh giải phóng kéo dài hơn 30 năm, trải rộng ở cả hai miền đất nước, thậm chí là cả bán đảo Đông Dương, thì cuốn sách đầu tiên dạng biên niên này chắc chắn chưa thể xem là đầy đủ và còn có những thiếu sót nhất định. Mong bạn đọc góp ý xây dựng để những lần in sau cuốn sách sẽ hoàn thiện hơn.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2011

NHỮNG NGƯỜI BIÊN SOẠN

PHẦN I
PHÁP VÀ MỸ TRONG CHIẾN TRANH
XÂM LƯỢC VIỆT NAM



CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM CỦA PHÁP VÀ MỸ*

NƯỚC CỘNG HOÀ PHÁP

Nước cộng hoà Pháp nằm ở phía tây Châu Âu, là nước rộng nhất ở Tây Âu với diện tích 551.695 km², có vị trí thuận lợi và là cầu nối giữa các nước Bắc Âu, Địa Trung Hải và Trung Âu; phía bắc giáp Bỉ, phía đông bắc giáp Cộng hoà Liên bang Đức và Lucxembua, phía đông giáp Thụy Sĩ, phía đông nam giáp Italia và tây nam giáp Tây Ban Nha, phía tây bắc là biển Măngơơ; có đường biên giới trải dài trên 5.500km, trong đó có 2.800 km trên bộ và 2.700 km giáp biển; lãnh thổ được chia thành ba cấp hành chính cơ bản là vùng (22 vùng), tỉnh (95 tỉnh) và xã.

Dân số 1954 là 53.000.000 người.

Ngoài nước Pháp chính quốc, sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Pháp còn có trên 1) triệu km² đất thuộc địa ở các nước châu Á, Phi, Mỹ Latinh với số dân trên 55 triệu người.

Thể chế Nhà nước: Nhà nước cộng hoà, tổng thống là người đứng đầu Nhà nước, thông nhất nhưng có phân quyền, một nhà nước pháp quyền tư sản.

Nền kinh tế: chủ nghĩa tư bản độc quyền Pháp phát triển cao nhưng bị thiệt hại lớn về người và của trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai: 6 triệu người không có nhà ở, 400.000 người thất nghiệp hoàn toàn; 1,2 triệu người thất nghiệp từng phần; tài chính, ngân sách thiếu hụt 55%, đồng Franc mất giá... Để phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh, Pháp phải chịu sự chi phối của kế hoạch Mácsan (Marshall) của Mỹ. Nhà nước đã quốc hữu hoá ngành công nghiệp khai thác, công nghiệp đường sắt, điện tử năng lượng và ngân hàng. Tổng sản phẩm năm 1946 so với năm 1939 là 75%. Vào đầu thập kỷ 1960 đã sản xuất được trên 15 triệu tấn gang, thép, trong đó hơn 8 triệu tấn thép; 56 triệu tấn than đá; 7,4 triệu tấn xi măng; 14,5 triệu tấn dầu mỏ; 34,6 tỷ kw/giờ điện; có nhà máy điện thủy triều lớn nhất thế giới với công suất 240.000 kw; nhịp độ tăng trưởng hàng năm 3,4%; thu nhập bình quân tính theo đầu người là 6.200 Franc.

Về quân sự: tổng quân số quân đội Pháp đến năm 1945 khoảng 1,2 triệu người. Năm 1949, Pháp tham gia khối quân sự NATO. Tỷ lệ chi tiêu cho quốc phòng chiếm 4% ngân sách hàng năm.

* Nguồn: *Chiến tranh Cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

Trong thời gian tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương (1945 - 1954), Cộng hoà Pháp có tới 20 đời thủ tướng bị đổ, 7 lần thay đổi cao ủy, 8 lần đổi tướng tổng chỉ huy quân viễn chinh pháp ở Đông Dương. Nước Pháp đã huy động một số lớn nhân lực và chiến phí: năm 1954 quân số Pháp - Nguyễn tới hơn 440.000 người, trong đó 72% là quân nguy; chiến phí của 9 năm chiến tranh lên tới gần 3.000 tỷ Frăng, trong đó viện trợ Mỹ chiếm khoảng 1.200 tỷ Frăng (tương đương 2,7 tỷ đôla). Riêng năm 1954, viện trợ Mỹ chiếm 73,9% chiến phí. Số quân Pháp chết, bị thương và bị bắt gần 600.000 người.

NỘI CÁC PHÁP, CAO ỦY VÀ TỔNG CHỈ HUY PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG*

1. Nội các Pháp¹

Số TT	Tên Thủ tướng	Lập	Đổ	Chú thích
1	Charles De Gaulle	8-1944	1-1946	Tổng thống 3 kỳ
2	Felix Gouin	1-1946	6-1946	
3	Georges Bidault	6-1946	11-1946	Lần thứ nhất
4	Leon Blum	12-1946	1-1947	
5	Paul Ramadier	1-1947	11-1947	
6	Maurice Schuman	11-1947	7-1948	Lần thứ nhất
7	André Marie	7-1948	8-1948	
8	Maurice Schuman	8-1948	1-1949	Lần thứ hai
9	Henri Queuille	1-1949	10-1949	Lần thứ nhất
10	Jules Moch René	5-10-1949	17-10-1949	
11	René Mayer	17-10-1949	24-10-1949	Lần thứ nhất
12	Georges Bidault	10-1949	6-1950	Lần thứ hai
13	René Pleven	6-1950	2-1951	Lần thứ nhất
14	Henri Queuille	2-1951	7-1951	Lần thứ hai
15	René Pleven	8-1951	2-1952	Lần thứ hai
16	Felix Faure	7-2-1952	27-2-1952	
17	Antoine Pinay	3-1952	5-1953	

* Nguồn: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội - 1996.

¹ Năm 1946, đổ 3 lần; năm 1949, đổ 4 lần. Năm người làm thủ tướng 2 lần trong 9 năm.

Người cầm quyền thời gian ngắn nhất:

- R. Mayer: 7 ngày (1949)

- J. Moch: 12 ngày (1949)

18	René Mayer	5-1953	6-1953	Lần thứ hai
19	Joseph Laniel	6-1953	6-1954	
20	Mandès France	6-1954	2-1955	

2. Cao ủy và Tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương (1945 - 1954)²

Số TT	Tên cao ủy	Từ	Tên tổng chỉ huy	Từ
1	Th.D' Argenlieu	8-1945	Ph. Leclerc	8-1945
2	L. Bollaert	3-1947	E. Valluy	7-1946
3	L. Pignon	9-1948	H. Blaizot	5-1948
4	J. Deelattre De Tassigny	12-1950	M. Carpentier	9-1949
5	J. Letourneau	12-1951	J. Delattre	12-1950
6	M. De Jean	6-1953	R. Salan	12-1951
7	J. Ély	6-1954	H. Navarre	5-1953
8			P. Ély	6-1954

NĂM KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CỦA PHÁP TRONG CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG (1945 - 1954)

Nguồn: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học.* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội - 1996.

1 Kế hoạch D' Argenlieu (tháng 8 - 1945)

- 1 Chiếm lại Nam Kỳ, thành lập chính phủ Nam Kỳ tự trị, trung thành với Pháp.
- 2 Kịp thời đem quân đội cần thiết đổ bộ vào Bắc Kỳ và chiếm xứ này, bắt đầu từ Hà Phòng và Hà Nội, nhanh chóng kiểm soát vùng biên và làm chủ vùng mỏ.
- 3 Đối lập với chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hoà, thành lập Liên bang Đông Dương.

2 Kế hoạch Leclerc

Kế hoạch 1 (tháng 8 - 1945) - chung toàn Đông Dương

- 1 Dựa vào quân đội Anh, nhanh chóng làm chủ toàn bộ vùng lãnh thổ nam vĩ tuyến 16 (trong vòng một tháng).
- 2 Thả đủ càng nhiều càng tốt nhân viên dân sự và lực lượng quân sự xuống vùng Trường Giới Thạch kiểm soát ở bắc vĩ tuyến 16.

² Hai cao ủy kiêm tổng chỉ huy:
- Jean Delattre De Tassigny: 1950
- Paul Ély: 1954.

3. Tranh thủ mọi cơ hội để duy trì và khẳng định chủ quyền của Pháp ở Đông Dương, trước hết là đối với Đồng minh.

4. Từng bước giành lại vùng do quân Tưởng kiểm soát, theo khả năng các đợt tăng viện

5. Tuỳ hoàn cảnh mà thương thuyết trên bình diện chính trị với tất cả các nhân vật bản xứ.

Kế hoạch tháng 2 (tháng 9 - 1945) - riêng với Nam Kỳ

1. Lợi dụng sự có mặt của quân Anh và Nhật, chiếm đóng khu tam giác : Sài Gòn - Biên Hoà - Thủ Dầu Một.

2. Sau khi có viện binh, đánh chiếm các đô thị và đường giao thông quan trọng, lập các cứ điểm quân sự, khống chế các vùng cao su và lúa gạo.

3. Hoà nhịp với các đợt tăng viện, đánh chiếm các địa bàn còn lại, thiết lập các bộ máy quân sự, chính trị, rải quân ra bình định, khống chế, trước hết là các trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng.

Kế hoạch Revers (tháng 7 - 1949)

1. Trên cơ sở nhận định: giải phóng quân Trung Hoa tiến xuống Hoa Nam là nguy cơ lớn đối với Pháp ở Đông Dương, chủ trương đưa cuộc chiến tranh ở Đông Dương vào khuôn khổ chiến tranh toàn cầu của đế quốc Mỹ, dựa vào Mỹ mà củng cố lực lượng, tăng viện và hiện đại hoá trang bị.

2. Vận dụng chính sách lầy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt, đánh đối phương bằng chiến tranh tổng lực.

3. Lập chính quyền bù nhìn, đề cao vai trò Bảo Đại trong việc tập hợp các lực lượng chống đối Việt Minh và một "quốc gia độc lập"; xây dựng một đội quân bản xứ 5 vạn tên do người Việt Nam chỉ huy (không kể lực lượng quân nguy trong biên chế của quân đội Pháp).

4. Biến Bắc Kỳ thực sự thành một pháo đài: thu hẹp phòng tuyến biên giới Đông Bắc, củng cố tuyến yểm trợ từ Lạng Sơn đến Móng Cái và khu vực phía đông thủ ở trung châu, tăng cường căn quét, tiêu diệt các ổ đồ kháng của đối phương bảo đảm an ninh trong vùng đồng bằng phì nhiêu.

5. Phát triển nguy quân để đảm nhiệm nhiệm vụ bình định, xin thêm viện binh thay đổi tướng tá để xây dựng khối cơ động Âu - Phi lớn mạnh.

Kế hoạch Delattre De Tassigny (1951)

1. Phát triển quân Nguy với quy mô lớn nhất (dự kiến 4 sư đoàn tương đương hoàn chỉnh, do sĩ quan Pháp chỉ huy) để thay thế quân Âu - Phi chiếm đóng. Tập trung các tiểu đoàn Âu - Phi tổ chức thành những binh đoàn cơ động (G.M.V) và quân dù dự bị chiến lược (để xây dựng từ Trung và Nam ra Bắc).

2. Xây dựng phòng tuyến (dự kiến 1.230 công sự bê tông) vây quanh đồng bằng Bắc Bộ (Hòn Gai - Đông Triều - Lục Nam - Bắc Giang - Bắc Ninh - Sơn Tây - Hà Đông - Ninh Bình) nhằm ngăn chặn các cuộc tiến công của chủ lực của đối phương vào đồng bằng, đồng thời làm căn cứ, bàn đạp cho các cuộc tiến công ngược vùng do đối phương kiểm soát.

3. Đẩy mạnh căn quét bình định quy mô lớn, dài ngày, nhằm "ổn định hình địa phương", củng cố chính quyền bản xứ ở cơ sở, bao vây, triệt phá và cướp bóc kinh

tế, dồn làng, tập trung dân, bắt kính.

4 Xin thêm viện trợ Mỹ và Anh, đặt Đông Dương vào kế hoạch chống cộng chung của Pháp - Mỹ ở Đông Nam Á.

Kế hoạch Navarre (tháng 7 - 1953)

Dự kiến chia làm hai bước và hoàn thành trong 18 tháng.

Bước 1 (trong chiến cuộc 1953 - 1954)

- a) Phòng ngự chiến lược ở bắc vĩ tuyến 18, tránh tổng giao chiến với chủ lực đối phương.
- b) Ngăn chặn đối phương tiến công vào đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời đẩy mạnh càn quét, bình định, giữ vững vùng "đồng bằng có ích" (delta utile), ngăn chặn đối phương tiến công Thượng Lào (Luông Phabăng, Cánh đồng Chum).
- c) Tiến công chiến lược ở miền Nam, đánh vào các căn cứ đối phương, đánh chiếm vùng đồng bằng khu V, và khu IV.
- d) Xây dựng khối dự bị chiến lược lớn mạnh, chuẩn bị cho bước 2.

Bước 2 (từ mùa khô năm 1954 trở đi, tức là khi đã đạt được ưu thế về lực lượng cơ động chiến lược):

Tiến công chiến lược ở phía bắc đèo ngang, tạo nên một hình thái quân sự cho phép đi đến một giải pháp chính trị có danh dự.

Hiện pháp:

- a) Tăng cường phát triển quân nguy quy mô lớn, đủ sức đảm nhiệm chiếm đóng một số khu vực quân Pháp giao cho.
- b) Rút lực lượng Âu - Phi, xây dựng lực lượng tổng dự bị chiến lược có chất lượng cao, mạnh hơn khối chủ lực đối phương.
- c) Xin thêm viện binh từ Pháp sang (rút từ lực lượng Pháp trong khối NATO) để tăng cường cho khối dự bị chiến lược (lúc đầu dự định xin 2 sư đoàn, sau giảm xuống 12 tiểu đoàn và chính quốc không đủ khả năng).
- d) Xây dựng lực lượng biệt kích để quấy rối và phá hoại hậu phương đối phương và hoàn thành những nhiệm vụ đặc biệt mà các lực lượng khác không thể làm được.
- e) Nới rộng quyền hành cho nguy quyền 3 nước Đông Dương, vừa để dễ câu viện Mỹ, vừa động viên người bản xứ dốc thêm sức vào chiến tranh.